

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 27 TC/CĐKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 1990

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 212 TC/CĐKT ngày 15/12/1989 của Bộ Tài
chính về công tác hạch toán kế toán ngành xở sở kiến thiết

Bộ Tài chính đã ra Quyết định số 212/TC-XSKT ngày 15/12/1989 về việc ban hành "Hệ thống tài khoản kế toán thống nhất" áp dụng cho tất cả các đơn vị sản xuất-kinh doanh, thuộc các thành phần kinh tế quốc doanh, công tư hợp doanh, tập thể, tư nhân và các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức, xã hội đoàn thể quần chúng...

Căn cứ vào đặc điểm của hoạt động XSKT, các văn bản hướng dẫn của Bộ đã ban hành trước đây; Nay hướng dẫn "Hệ thống Tài khoản kế toán" áp dụng cho hoạt động xở sở kiến thiết và một số điểm bổ sung về phương pháp hạch toán kế toán và báo cáo kế toán như sau:

I- HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN

Stt	Tài khoản		Tiểu khoản	
	Số hiệu	Tên gọi	Số hiệu	Tên gọi
1	2		345	
		<u>Loại I: Tài sản cố định</u>		
1	10	Tài sản cố định	101TSCĐ	dùng trong SXKD
			103TSCĐ	phúc lợi
			104TSCĐ	chờ thanh lý
2	11	Hao mòn TSCĐ		
		<u>Loại II: Dự trữ SXKD</u>		
3	21	Nguyên liệu, vật liệu	211	Nguyên liệu, vật

		liệu chính
		212Vật liệu phụ
		213Nhiên liệu
		214Phụ tùng
		215 Thiết bị xây dựng cơ bản
		217 Vật liệu khác
4	22	Công cụ lao động nhỏ 221 Công cụ lao động nhỏ
		222Bao bì luân chuyển
		223 Đồ dùng cho thuê
5	23	Hàng hóa 231 Vé xổ số kiến thiết
		232 Hàng hóa trả thưởng
6	24	Thành phẩm
7	25	Hàng gửi bán
		<u>Loại III: Chi phí</u>
8	30	Chi trả thưởng 301 Trả thưởng xổ số định kỳ
		302 Trả thưởng xổ số bốc
		303 Trả thưởng xổ số điện tử
		304 Trả thưởng hình thức xổ số khác
9	31	Sản xuất, kinh doanh phụ
10	34	Chi phí phát hành xổ số 341 Chi phí phát hành xổ số định kỳ
		342 Chi phí phát hành xổ số bốc
		343 Chi phí phát hành xổ số điện tử
		344 Chi phí phát hành hình thức xổ số khác
11	35	Chi phí đầu tư XD CB
12	36	Chi phí theo dự toán 361 Chi phí chờ phân bổ
		362 Chi phí trích trước

Loại IV: Tiêu thụ và kết quả

13	40	Tiêu thụ và kết quả 401 Hoạt động phát hành XSKT (chi tiết theo từng loại hình xổ số) 402 Hoạt động SXKD phụ 403 Hoạt động liên doanh 404 Nghiệp vụ tài chính 405 Kết quả khác
----	----	---

Loại V: Vốn bằng tiền

14	50	Tiền mặt 501 Tiền Việt nam 502 Tín phiếu, vàng bạc 503 Ngoại tệ
15	51	Tiền gửi Kho bạc Nhà nước 511 Tiền gửi bằng đồng VN 512 Gửi ngoại tệ 513 Tiền gửi về đầu tư XD CB 514 Tiền gửi khác
16	52	Tiền đang chuyển

Loại VI: Thanh toán

17	60	Thanh toán với người bán Chi tiết theo từng người bán
18	61	Thanh toán với đại lý Chi tiết theo từng đại lý
19	62	Các khoản phải thu, phải trả 621 Tạm ứng 622 Phải thu, phải trả
20	64	Thanh toán với Ngân sách 641 Thuế 642 Lợi nhuận ... 647 Khấu hao cơ bản 648 Trợ giá 649 Thanh toán khác

21	65	Chênh lệch tỷ giá và chỉ số giá 651 Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ 652 Chỉ số giá
22	66	Vốn tham gia liên doanh 661 Vốn liên doanh 662 Thanh toán thu nhập liên doanh
23	67	Tài sản chờ xử lý 671 Tài sản thiếu 672 Tài sản thừa
24	68	Thanh toán Bảo hiểm xã hội 681 Bảo hiểm xã hội 682 Kinh phí công đoàn
25	69	Thanh toán với CNVC 691 Thanh toán lương 692 Thanh toán các khoản khác
		<u>Loại VII: Thu nhập</u>
26	70	Thu nhập 701 Thu nhập hoạt động XSKT 702 Thu nhập hoạt động phụ 703 Thu nhập hoạt động liên doanh 704 Thu nhập của nghiệp vụ tài chính 705 Thu nhập khác
27	71	Phân phối thu nhập 711 Nộp Ngân sách 712 Chia liên doanh 713 Lập quỹ xí nghiệp 714 Phân phối khác
		<u>Loại VIII: Nguồn vốn</u>
28	80	Nguồn vốn cố định 801 Nguồn vốn pháp định 802 Nguồn vốn tự bổ sung 803 Nguồn vốn liên doanh
29	81	Nguồn vốn lưu động 811 Nguồn vốn pháp định

		812 Nguồn vốn tự bổ sung
		813 Nguồn vốn liên doanh
30	82	Nguồn vốn XDCB 821 Nguồn vốn cấp phát
		822 Nguồn vốn XDCB tự có
31	83	Quỹ xí nghiệp 831 Quỹ phát triển nghiệp vụ
		832 Quỹ dự phòng tài chính
		833 Quỹ khen thưởng
		834 Quỹ phúc lợi
		<u>Loại IX: Nguồn vốn tín dụng</u>
32	90	Vay ngắn hạn 901 Vay tiền Việt nam
		902 Vay ngoại tệ

Tài sản ngoài bảng tổng kết tài sản:

- 01- Tài sản cố định thuê ngoài
- 02- Vật tư, hàng hóa giữ hộ, nhận gia công
- 03- Hàng hóa nhận bán hộ, ký gửi
- 04- Nợ khó đòi đã xử lý
- 05-Nguồn vốn liên doanh
- 06-Vốn cổ phần
- 07-Ngoại tệ các loại vàng bạc, kim khí, đá quý

II. QUY ĐỊNH BỔ SUNG NỘI DUNG VÀ CÁCH VẬN DỤNG MỘT SỐ TÀI KHOẢN CHỦ YẾU TRONG HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHO NGÀNH XSKT

Nguyên tắc chung là thực hiện đúng, thống nhất theo quy định trong chế độ tài khoản kế toán thống nhất ban hành kèm theo Quyết định số 212 TC/CĐKT ngày 15/12/1989 của Bộ Tài chính; Thông tư này chỉ quy định một số điểm cụ thể, bổ sung cho phù hợp với đặc thù của hoạt động XSKT. Cụ thể là:

1/ Tài khoản 23 "Hàng hóa"

* Tài khoản này phản ánh mọi biến động của hàng hóa, bao gồm vé xổ số kiến thiết, hàng trả thưởng và hàng hóa kinh doanh khác (nếu có)